TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2021
V/v "Tuyên bố không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hiệp và bà Nguyễn Thị Quy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp *"Tuyên bố không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên toà số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1993.

* *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1987.

Đều trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn đề nghị xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

1. Về yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng: Chị và anh Vũ Văn T quen biết và yêu nhau, sau đó chung sống cùng nhau tại gia đình bố mẹ đẻ anh T ở xã Đ, huyện K, Hải Dương từ năm 2010; được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng do không hiểu biết nên không đăng ký kết hôn. Chị và anh T chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó trong cuộc sống thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm cũng như về kinh tế; khi mâu thuẫn thì anh T thường xúc phạm, đánh đập chị. Chị cũng đã chịu đựng rất nhiều và cùng hai bên gia đình khuyên bảo để anh T thay đổi, tiếp tục chung sống với nhau vì con cái nhưng anh T không thay đổi, vẫn

chứng nào tật nấy. Thời gian gần đây thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh T ngày càng xử sự với chị một cách thậm tệ nên tháng 11/2020 chị đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở cùng xã Đ sinh sống. Đến nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng anh T nên chị yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Trong thời chung sống thì chị và anh T có 03 con chung là cháu Vũ Văn Q, sinh ngày 14/11/2010; cháu Vũ Văn T, sinh ngày 24/3/2012 và cháu Vũ Anh C, sinh ngày 13/11/2015. Từ khi sống ly thân thì anh T đang là người trực tiếp nuôi cả 03 nuôi con chung, vì anh T không cho chị đón con về nuôi tại gia đình bố mẹ đẻ. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Anh C, vì cháu là cháu gái, hiện nay còn nhỏ nên cần sự quan tâm của mẹ; tự nguyện giao cho anh T trực tiếp nuôi cháu Vũ Văn Q và Vũ Văn T. Chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống cùng anh T thì không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của bị đơn:*

1. Về yêu cầu tuyên bố không phải vợ chồng: Anh và chị H chung sống cùng nhau tại gia đình bố mẹ đẻ anh ở xã Đ, huyện K, Hải Dương từ năm 2010; được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng do không hiểu biết nên không đăng ký kết hôn. Anh và chị H chung sống với nhau hạnh phúc, thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn do chị H không dọn dẹp vệ sinh gia đình khi con cái chơi bày bừa. Khi anh góp ý thì chị H cãi lại nên khi bực tức anh có chửi bới và tát chị H một vài cái; việc này thỉnh thoảng có diễn ra. Do anh và chị H có mâu thuẫn nên anh cũng đã nhiều lần khuyên bảo chị H và nhờ hai bên gia đình động viên nhưng chị H không thay đổi. Tháng 11/2020 anh và chị H lại xảy ra mâu thuẫn, anh có tát chị H nên chị H đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay. Chị H yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận anh và chị H là vợ chồng thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung là cháu Vũ Văn Q, sinh ngày 14/11/2010; cháu Vũ Văn T, sinh ngày 24/3/2012 và cháu Vũ Anh C, sinh ngày 13/11/2015. Từ khi chị H bỏ về sống tại gia đình mẹ đẻ thì anh vẫn đang là người trực tiếp nuôi cả 03 nuôi con chung. Quan điểm của anh, nếu anh và chị H không tiếp tục chung sống cùng nhau nữa thì anh sẽ trực tiếp nuôi cả 03 con chung hoặc chị H sẽ nuôi cả 03 con chung, vì anh không muốn các cháu thiếu thốn tình cảm anh em. Nếu anh trực tiếp nuôi cả 03 con chung thì anh không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; nếu chị H trực tiếp nuôi cả 03 con chung thì anh sẽ cấp dưỡng cho mỗi con từ 1.000.000đ đến hơn 01 triệu đồng mỗi tháng.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống thì anh và chị H không có tài sản chung, nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ ;

cụ thể như sau:

- *Xác minh tại UBND xã Đ, huyện K*: Chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn T có chung sống với nhau tại xã Đ, tuy nhiên trong Sổ đăng ký kết hôn tại UBND không thể hiện việc chị H và anh T đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống; chị H và anh T đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Chị H và anh T có 03 con chung hiện nay các cháu đang ở cùng anh T.

- *Ông Vũ Văn Đ (bố đẻ anh T khai):* Chị H và anh T được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương, sau đó chung sống với nhau. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, chị H về bố mẹ đẻ ở từ tháng 12/2020 đến nay. Đề nghị Toà án hoà giải để chị H và anh T đoàn tụ nuôi dạy con cái.

- *Bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ chị H) khai:* Gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới cho chị H và anh T, vào thời điểm đó do chị H thiếu tháng sinh nên chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì chị H, anh T xảy ra mâu thuẫn; anh T xúc phạm, đánh đập chị H nên chị H đã bỏ về gia đình bà sống một thời gian, sau đó bà khuyên bảo nên chị H tiếp tục quay trở lại sống cùng anh T. Đến tháng 11/2020, chị H tiếp tục bị anh T đánh đập và đuổi đi nên chị H đã về gia đình bà sinh sống.

- *Cháu Vũ Văn Q và Vũ Văn T (con đẻ chị H, anh T) đều khai:* Nếu bố mẹ cháu không chung sống cùng nhau thì cả 02 cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với anh T.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn đề nghị xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tuyên bố không công nhận vợ chồng với anh T và giải quyết vấn đề nuôi con chung.

* Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

- *Về đường lối giải quyết:* Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn T.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho chị Vũ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Anh C, sinh ngày 13/11/2015; tiếp tục giao con chung là các cháu Vũ Văn Q, sinh ngày 14/11/2010; cháu Vũ Văn T, sinh ngày 24/3/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Thời điểm thực hiện quyền và nghĩa vụ

đối với nuôi con chung tính từ tháng 4/2021 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, anh T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về *"Tuyên bố không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con"* theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú, sinh sống tại huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 13/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập và Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và kết quả thu thập tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010 không đăng ký kết hôn. Việc chị H và anh T không thực hiện các quy định của pháp luật khi chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan chức năng có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình; trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến xúc phạm, xô sát và hiện tại không còn tiếp tục chung sống với nhau. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình và thực tế cuộc sống hiện tại giữa chị H và anh T, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Vũ Văn T.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị H và anh T có 03 con chung là cháu Vũ Văn Q, sinh ngày 14/11/2010; cháu Vũ Văn T, sinh ngày 24/3/2012 và cháu Vũ Anh C, sinh ngày 13/11/2015. Xét yêu cầu này thì thấy: Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Vũ Anh C, chị cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có công việc, thu nhập ổn định, đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; mặt khác chị H và anh T có 03 con chung nên cần giao 01 con chung cho chị H trực tiếp

nuôi dưỡng để đảm bảo sự công bằng về quyền lợi cũng như về nghĩa vụ trong việc nuôi dưỡng con chung, cháu Vũ Anh C còn nhỏ, là con gái nên cần có sự chăm sóc của mẹ. Đối với cháu Vũ Văn Q và Vũ Văn T đều có nguyện vọng được ở với bố. Do vậy, cần giao con chung là cháu Vũ Văn Q và Vũ Văn T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Vũ Anh C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản, nợ chung:* Các đương sự đều xác định trong thời gian chung sống không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

***** *Căn cứ:* Các Điều 9, 14, 15, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H: Tuyên bố không công nhận chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu cháu Vũ Anh C, sinh ngày 13/11/2015; giao cho anh Vũ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Văn Q, sinh ngày 14/11/2010 và cháu Vũ Văn T, sinh ngày 24/3/2012. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính từ tháng 4/2020 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn T về việc không yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ng□ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Ng□ời trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không đ□ợc cản trở ng□ời không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng giáo dục con chung.

3. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001662 ngày 11/12/2020. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

- Nơi nhận:
+ VKSND huyện Kim Thành.
+ Chi cục THADS huyện Kim Thành.
+ UBND xã Đ, huyện K.
+ Các đương sự.
+ Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa